

Số: 65/2026/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng,
trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 145/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 133/2025/QH15 và Luật số 148/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

*Xét Tờ trình số 1273/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân
Thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển
hạ tầng, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trên địa
bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 8749/UBND-VX ngày 19 tháng 9 năm
2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo
Nghị quyết; Báo cáo thẩm tra số 152/BC-BĐT ngày 20 tháng 9 năm 2026 của Ban Đô
thị Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại
kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số cơ chế,
chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ
khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết điểm a khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp, tổ chức có hoạt động đầu tư xây dựng, trang bị, nâng cấp hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố, bao gồm:

- a) Tổ chức khoa học và công nghệ;
- b) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ số và các loại hình doanh nghiệp khác có hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đã được công nhận theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc thực hiện hỗ trợ phải bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng, đúng đối tượng, đúng nội dung; không hỗ trợ trùng lặp từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung chi đối với một đối tượng; phù hợp với chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án của Thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản trang bị được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Việc thực hiện nội dung hỗ trợ được đánh giá, nghiệm thu trên cơ sở mức độ hoàn thành mục tiêu, nội dung, sản phẩm, kết quả đầu ra hoặc các yêu cầu theo thuyết minh, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương II

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Điều 4. Danh mục hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Nhóm 1: Hạ tầng vật lý phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bao gồm:

a) Không gian làm việc, kết nối, trình diễn và trưng bày sản phẩm công nghệ, hình thành trong quá trình xây dựng, nâng cấp hạ tầng của tổ chức, doanh nghiệp;

b) Phòng thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu, cơ sở thử nghiệm, cơ sở kiểm định, hiệu chuẩn, đánh giá và chứng nhận công nghệ; cơ sở chế tạo mẫu, sản xuất thử nghiệm, hoàn thiện và trình diễn công nghệ;

c) Trang thiết bị, máy móc, phương tiện kỹ thuật chuyên dụng phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, thử nghiệm, phân tích, đo lường, kiểm định, hiệu chuẩn, đánh giá công nghệ, chế tạo mẫu và sản xuất thử nghiệm; đặc biệt là cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành phục vụ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược theo Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Nhóm 2: Hạ tầng số, hệ thống số phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bao gồm:

a) Hạ tầng số gồm các hệ thống kỹ thuật, kết nối, điện toán, lưu trữ và các thành phần công nghệ số bảo đảm cho hoạt động trên môi trường số, hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và hạ tầng truyền dẫn cho kết nối máy tới máy;

b) Hệ thống số gồm các thành phần công nghệ số, dữ liệu số, nền tảng số, phần mềm, phần cứng, thuật toán, mô hình xử lý và thiết bị kết nối được tổ chức để tạo lập, xử lý, lưu trữ, kết nối và vận hành dịch vụ số hoặc quy trình số; bao gồm cả trường hợp hoạt động điều hành theo thời gian thực.

Điều 5. Tiêu chí hỗ trợ đầu tư xây dựng, trang bị, nâng cấp hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng, trang bị, nâng cấp hạ tầng đề nghị hỗ trợ

a) Hạ tầng thuộc nhóm 1, nhóm 2 quy định tại Điều 4 Nghị quyết này phù hợp với chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố theo từng thời kỳ.

b) Có cam kết bằng văn bản duy trì hoạt động đúng mục đích đầu tư tối thiểu 05 năm kể từ ngày hoàn thành và đưa vào vận hành, khai thác.

c) Hạ tầng thuộc nhóm 1 phải đặt tại địa điểm thuộc địa bàn Thành phố; hạ tầng thuộc nhóm 2 phải do tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở chính trên địa bàn Thành phố trực tiếp quản trị, vận hành, khai thác.

d) Dữ liệu phát sinh từ hạ tầng được hỗ trợ phải được lưu trữ trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu.

đ) Ưu tiên dự án có tỷ lệ vốn đối ứng cao, khuyến khích mô hình liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và tổ chức trong nước, quốc tế và có phương án khai thác, sử dụng dùng chung hoặc chia sẻ, bảo đảm hiệu quả đầu tư.

2. Tiêu chí đối với tổ chức, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ

a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định pháp luật Việt Nam; có trụ sở chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Có nguồn lực bảo đảm việc quản lý, vận hành hạ tầng, tài sản được hưởng hỗ trợ.

c) Có bộ phận nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo với tối thiểu 10 nhân lực có trình độ từ đại học trở lên, trong đó có ít nhất 50% số nhân lực là công dân Việt Nam. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, không bắt buộc phải có bộ phận nghiên

cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo nhưng phải có tối thiểu 03 nhân lực có trình độ từ đại học trở lên thực hiện hoạt động này, trong đó có ít nhất 50% số nhân lực là công dân Việt Nam.

d) Riêng đối với tổ chức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp, ngoài các tiêu chí quy định tại điểm a, b, c khoản này, phải có tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 2% doanh thu thuần bình quân trong 03 năm tài chính liên kế hoặc từ 200 tỷ đồng/năm trở lên trong 03 năm tài chính liên kế trước năm đề nghị hỗ trợ; trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 03 năm thì tính bình quân trên toàn bộ thời gian hoạt động kể từ khi thành lập, nhưng không ít hơn 01 năm tài chính đầy đủ.

Điều 6. Nội dung, mức hỗ trợ và quản lý kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng, trang bị, nâng cấp hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Đối với hạ tầng thuộc nhóm 1, nhóm 2 quy định tại Điều 4 Nghị quyết này thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành: tối đa 25 tỷ đồng/nhóm hạ tầng/tổ chức, doanh nghiệp.

b) Đối với hạ tầng thuộc nhóm 1, nhóm 2 quy định tại Điều 4 Nghị quyết này không thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành

Hạ tầng thuộc nhóm 1: tối đa 5 tỷ đồng/tổ chức, doanh nghiệp.

Hạ tầng thuộc nhóm 2: tối đa 3 tỷ đồng/tổ chức, doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ tại khoản 1 Điều này không vượt quá 50% tổng mức kinh phí của toàn bộ dự án.

2. Kinh phí hỗ trợ được cấp theo tiến độ và kết quả thực hiện trên cơ sở hồ sơ, quyết định phê duyệt và hợp đồng thực hiện hỗ trợ. Trường hợp nội dung hỗ trợ bị dừng hoặc không hoàn thành do lỗi chủ quan của tổ chức, doanh nghiệp thì cơ quan có thẩm quyền chấm dứt hợp đồng và xử lý biện pháp bảo đảm để thu hồi kinh phí đã cấp; trường hợp do nguyên nhân khách quan hoặc rủi ro khoa học, công nghệ thì việc xem xét, xử lý kinh phí và trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ thực hiện theo biểu mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này, gồm:

- a) Đơn đăng ký đề nghị hỗ trợ;
- b) Thuyết minh đề xuất dự án đề nghị hỗ trợ;
- c) Dự toán kinh phí chi tiết kèm theo báo giá hoặc tài liệu làm căn cứ lập dự toán theo quy định hiện hành;
- d) Văn bản cam kết;
- đ) Hồ sơ pháp lý và tài liệu chứng minh năng lực của tổ chức, doanh nghiệp gồm:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập (đối với tổ chức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp);

Tài liệu chứng minh năng lực tài chính và bố trí vốn đối ứng;

Các tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này.

e) Tài liệu khác có liên quan trực tiếp đến nội dung đề nghị hỗ trợ.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

Trình tự, thủ tục xét chọn, thẩm định, phê duyệt, ký kết hợp đồng, cấp kinh phí, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, thanh lý và xử lý kết quả thực hiện hỗ trợ được áp dụng theo trình tự, thủ tục quản lý, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là cơ quan thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ và tổ chức thực hiện hỗ trợ theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, TRUNG TÂM HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 8. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

Nội dung và mức hỗ trợ để phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tương ứng với cấp độ lựa chọn

1. Hỗ trợ phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đạt tầm cỡ quốc tế

a) Hỗ trợ kinh phí mua sắm, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị nghiên cứu, thiết bị thử nghiệm và trang thiết bị phục vụ vận hành, tối đa 100 tỷ đồng.

b) Hỗ trợ kinh phí vận hành kỹ thuật, thiết bị ban đầu, gồm chuyển giao công nghệ, thuê chuyên gia vận hành ban đầu, quản trị dự án, tối đa 10 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực, gồm tiếp nhận chuyển giao công nghệ, mời chuyên gia quốc tế đào tạo, cử nhân sự đi đào tạo trong và ngoài nước, tối đa 10 tỷ đồng.

d) Hỗ trợ kinh phí thuê tư vấn và chi phí xác lập, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước, tối đa 10 tỷ đồng.

đ) Hỗ trợ kinh phí hoạt động thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và phát triển, tối đa 5 tỷ đồng.

e) Hỗ trợ kinh phí hợp tác quốc tế, gồm tham gia thành viên mạng lưới quốc tế, tham gia sự kiện quốc tế ở nước ngoài, tổ chức sự kiện quốc tế ở trong nước, tối đa 10 tỷ đồng.

2. Hỗ trợ phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đạt cấp quốc gia

a) Hỗ trợ kinh phí mua sắm, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị nghiên cứu, thiết bị thử nghiệm và trang thiết bị phục vụ vận hành, tối đa 70 tỷ đồng.

b) Hỗ trợ kinh phí vận hành kỹ thuật, thiết bị ban đầu, gồm chuyển giao công nghệ, thuê chuyên gia vận hành ban đầu, quản trị dự án, tối đa 7 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực, gồm tiếp nhận chuyển giao công nghệ, mời chuyên gia quốc tế đào tạo, cử nhân sự đi đào tạo trong và ngoài nước, tối đa 7 tỷ đồng.

d) Hỗ trợ kinh phí thuê tư vấn và chi phí xác lập, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước, tối đa 7 tỷ đồng.

đ) Hỗ trợ kinh phí hoạt động thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và phát triển, tối đa 3,5 tỷ đồng.

e) Hỗ trợ kinh phí hợp tác quốc tế, gồm tham gia thành viên mạng lưới quốc tế, tham gia sự kiện quốc tế ở nước ngoài, tổ chức sự kiện quốc tế ở trong nước, tối đa 7 tỷ đồng.

3. Hỗ trợ phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đạt cấp tỉnh

a) Hỗ trợ kinh phí mua sắm, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị nghiên cứu, thiết bị thử nghiệm và trang thiết bị phục vụ vận hành, tối đa 50 tỷ đồng.

b) Hỗ trợ kinh phí vận hành kỹ thuật, thiết bị ban đầu, gồm chuyển giao công nghệ, thuê chuyên gia vận hành ban đầu, quản trị dự án, tối đa 5 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực, gồm tiếp nhận chuyển giao công nghệ, mời chuyên gia quốc tế đào tạo, cử nhân sự đi đào tạo trong và ngoài nước, tối đa 5 tỷ đồng.

d) Hỗ trợ kinh phí thuê tư vấn và chi phí xác lập, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước, tối đa 5 tỷ đồng.

đ) Hỗ trợ kinh phí hoạt động thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và phát triển, tối đa 2,5 tỷ đồng.

e) Hỗ trợ kinh phí hợp tác quốc tế, gồm tham gia thành viên mạng lưới quốc tế, tham gia sự kiện quốc tế ở nước ngoài, tổ chức sự kiện quốc tế ở trong nước, tối đa 5 tỷ đồng.

4. Mức hỗ trợ cụ thể đối với từng nội dung quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này được xác định căn cứ hiện trạng năng lực, mục tiêu, lộ trình phát triển của trung tâm, nhu cầu thực tế, dự toán được thẩm định, sản phẩm, kết quả đầu ra và khả năng cân đối ngân sách. Trung tâm được xem xét hỗ trợ một hoặc nhiều nội dung phù hợp với nhu cầu và lộ trình phát triển.

Điều 9. Tiêu chí đối với trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đề nghị hỗ trợ

1. Có trụ sở chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, hoặc có chi nhánh hạch toán độc lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và kê khai, nộp thuế.

2. Có năng lực tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản và duy trì kết quả hỗ trợ; không thuộc trường hợp bị hạn chế nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Có cam kết bằng văn bản về thời hạn hoàn thành đề án phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tương ứng với các cấp độ lựa chọn đăng ký, bao gồm: 05 năm phát triển trung tâm đạt tầm cỡ quốc tế, quốc gia; 03 năm phát triển trung tâm đạt cấp tỉnh.

Điều 10. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ thực hiện theo biểu mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này, gồm:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ;
- b) Thuyết minh đề nghị hỗ trợ;
- c) Văn bản cam kết.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

Trình tự, thủ tục xét duyệt, thẩm định, phê duyệt, ký kết hợp đồng, cấp kinh phí, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, thanh lý và xử lý kết quả thực hiện hỗ trợ được áp dụng theo trình tự, thủ tục quản lý, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là cơ quan thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ và tổ chức thực hiện hỗ trợ theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 11. Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Kinh phí hỗ trợ được cấp theo từng nội dung hỗ trợ được xác định trong thuyết minh đề nghị hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo có trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục tiêu, nội dung và dự toán được phê duyệt. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Kết quả đánh giá, nghiệm thu là căn cứ xác định mức độ hoàn thành nội dung hỗ trợ và thực hiện quyền, nghĩa vụ của các bên theo quyết định phê duyệt, hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trong trường hợp kết quả nghiệm thu không đạt, cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm xem xét, xác định việc hoàn trả kinh phí và thu hồi tài sản được đầu tư, trang bị, nâng cấp theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương IV

KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết này được phân bổ từ nguồn ngân sách Thành phố chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cấp về cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện hoạt động, nội dung chi hỗ trợ theo Nghị quyết này.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố

- a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này;
- b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ đúng đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ, tiêu chí, trình tự thủ tục và quản lý kinh phí hỗ trợ theo quy định, đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch;
- c) Tổ chức cập nhật, công bố thông tin về tình hình thực hiện chính sách, hiệu quả đầu tư và khai thác hạ tầng; theo dõi, kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hành vi trục lợi chính sách, gây thất thoát, lãng phí;
- d) Định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố về kết quả tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả chính sách và kiến nghị điều chỉnh nếu cần thiết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, Kỳ họp thứ năm thông qua ngày 22 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VB và Tổ chức thi hành pháp luật
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, SKHCN, (BĐT - Hương, Tú).



Võ Văn Minh

Phụ lục I
CÁC BIỂU MẪU
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
(Kèm theo Nghị quyết số 65/2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2026
của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Mẫu số I.01	Đơn đăng ký đề nghị hỗ trợ
Mẫu số I.02	Thuyết minh dự án đề nghị hỗ trợ
Mẫu số I.03	Dự toán kinh phí dự án
Mẫu số I.04	Văn bản cam kết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: (Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ)

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Email: Website:
- Quyết định/Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Đăng ký hoạt động KH&CN số: nơi cấp ngày cấp
- Mã số thuế:
- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp:

Chúng tôi đề nghị được hỗ trợ thực hiện dự án từ nguồn ngân sách nhà nước như sau:

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án:
- Loại dự án: *(chọn 01 trong các loại dự án sau)*
- ☐ Nhóm 1 Hạ tầng vật lý.
- ☐ Nhóm 2 Hạ tầng số, hệ thống số.
- Quy mô dự án thực hiện:
- Thời gian thực hiện dự án:
- Địa điểm thực hiện dự án:
- Tổng kinh phí thực hiện dự án: đồng (bằng chữ...)

Trong đó:

- + Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: đồng (bằng chữ...)
- + Nguồn kinh phí khác (nếu có): đồng (bằng chữ...)

Tỷ lệ kinh phí đề nghị hỗ trợ trên tổng kinh phí thực hiện: ...%

2. Hồ sơ đăng ký đề nghị hỗ trợ dự án bao gồm:

- Thuyết minh dự án;
- Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp;
- Văn bản cam kết của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị về việc chỉ tiếp nhận duy nhất một nguồn kinh phí cho cùng một nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung dự án;

- Các tài liệu khác.

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính xác thực của hồ sơ.

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Địa điểm thực hiện dự án:
5. Điện thoại: Fax:
- Email: Website:
6. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp:
7. Tên và số tài khoản ngân hàng của tổ chức, doanh nghiệp:

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận nhà đầu tư lần gần nhất (nếu có)
3. Thời gian thực hiện: tháng (từ tháng .../... đến tháng .../...)
4. Tổng mức kinh phí: đồng
5. Mô tả công nghệ, quy trình công nghệ của dự án (nếu có)
6. Mô tả các sản phẩm, dịch vụ, thị trường của dự án (nếu có)

III. THÔNG TIN VỀ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Tổng kinh phí thực hiện dự án:đồng
- 1.1. Nguồn ngân sách nhà nước:đồng
- 1.2. Nguồn vốn đối ứng/nguồn kinh phí khác (nếu có):đồng
2. Mục tiêu hỗ trợ:

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ

STT	Các nội dung (hạng mục) đề xuất	Kết quả đầu ra	Thời gian thực hiện (số tháng)	Kinh phí	Ghi chú
1	Nội dung (hạng mục) 1				
2...	Nội dung (hạng mục) 2,3...				

V. GIẢI TRÌNH NỘI DUNG (HẠNG MỤC) ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ

1. Sự phù hợp về đối tượng, tiêu chí được hỗ trợ
2. Nhu cầu về các nội dung đề xuất hỗ trợ, kết quả đầu ra, thời gian, kinh phí và các hồ sơ thanh toán
3. Phương án tài chính để thực hiện
4. Năng lực thực hiện dự án

VI. KẾT QUẢ ĐẦU RA, KHẢ NĂNG DUY TRÌ VÀ HIỆU QUẢ DỰ KIẾN

1. Sản phẩm, kết quả đầu ra và chỉ tiêu hoàn thành
2. Chỉ tiêu khai thác, sử dụng, dùng chung hoặc chia sẻ (nếu có)
3. Phương án duy trì, vận hành kết quả sau hỗ trợ
4. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả sau hỗ trợ
5. Hiệu quả dự kiến của việc khai thác, sử dụng hạ tầng sau hỗ trợ

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN
(Kèm theo Thuyết minh dự án)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung đề nghị tài trợ	Tổng kinh phí	Nguồn vốn							
			Từ NSNN				Ngoài NSNN			
			Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ...
1	Nội dung (hạng mục) 1									
2	Nội dung (hạng mục) 2									
...										
	Tổng cộng									

(*) Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...

**TÊN TỔ CHỨC/
DOANH NGHIỆP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Số, ký hiệu văn bản)

VĂN BẢN CAM KẾT

Kính gửi: (Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ)

I. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Email: Website:
5. Quyết định/Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Đăng ký hoạt động KH&CN số: nơi cấp ngày cấp
6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức:
.....
7. Tên dự án hỗ trợ:
.....

II. Nội dung cam kết

1. Tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của thông tin, hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan xem xét phê duyệt hỗ trợ.
2. Chỉ tiếp nhận duy nhất một nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung chi của dự án hỗ trợ.
3. Thực hiện đúng các cam kết khi nhận hỗ trợ theo Hợp đồng, Quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý về việc sử dụng kinh phí, tài sản, sản phẩm, kết quả đầu ra của dự án hỗ trợ.
4. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin và tài liệu bổ sung theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị đầu mối và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
5. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu trong quá trình thực hiện hỗ trợ.

Văn bản cam kết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II
CÁC BIỂU MẪU
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
TRUNG TÂM HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO
(Kèm theo Nghị quyết số 65/2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2026
của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Mẫu số II.01	Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số II.02	Thuyết minh đề nghị hỗ trợ phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo
Mẫu số II.03	Văn bản cam kết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
TRUNG TÂM HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Kính gửi: (Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ)

Chúng tôi là:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

Email:

Website:

- Quyết định/Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Đăng ký hoạt động KH&CN
số: nơi cấp ngày cấp

- Giấy công nhận (*trung tâm đổi mới sáng tạo/trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh/trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia*) số: nơi cấp ngày cấp

- Mã số thuế:

- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp:

Chúng tôi đề nghị được hỗ trợ phát triển trung tâm từ nguồn ngân sách nhà nước như sau:

1. Thông tin về nhiệm vụ

- Tên nhiệm vụ:

- Loại nhiệm vụ: (*chọn 01 trong các loại sau*)

☐ Phát triển hướng đến trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tầm cỡ quốc tế.

☐ Phát triển hướng đến trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được công nhận cấp quốc gia.

☐ Phát triển hướng đến trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được công nhận cấp tỉnh.

- Thời gian thực hiện nhiệm vụ:

- Địa điểm thực hiện nhiệm vụ:

- Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: đồng (bằng chữ...)

Trong đó:

+ Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: đồng (bằng chữ...)

+ Nguồn kinh phí khác (nếu có): đồng (bằng chữ...)

Tỷ lệ kinh phí đề nghị hỗ trợ trên tổng kinh phí thực hiện: ...%

2. Hồ sơ đăng ký xét đề nghị hỗ trợ gồm:

- Thuyết minh đề nghị hỗ trợ.
- Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp.
- Giấy công nhận (*trung tâm đổi mới sáng tạo/trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh / trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo / trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia*).
- Đề án phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tương ứng với các cấp độ lựa chọn đăng ký đề nghị hỗ trợ.
- Văn bản cam kết của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị về việc chỉ tiếp nhận duy nhất một nguồn kinh phí cho cùng một nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung đề nghị hỗ trợ.
- Các tài liệu khác.

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính xác thực của hồ sơ.

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**THUYẾT MINH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
TRUNG TÂM HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp chủ trì nhiệm vụ:

(Kèm theo số, ngày của văn bản thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh của tổ chức chủ trì/doanh nghiệp)

2. Giấy công nhận (trung tâm đổi mới sáng tạo/trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh/trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia) số: nơi cấp ngày cấp

3. Mã số thuế:.....

4. Địa chỉ trụ sở chính:

5. Người đại diện theo pháp luật:.....

(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại)

6. Năng lực của người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp chủ trì:

(Năng lực, kinh nghiệm chuyên môn, khả năng huy động nguồn lực)

7. Nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của tổ chức, doanh nghiệp (nếu có):

8. Nguồn nhân lực để thực hiện nhiệm vụ

8.1. Đội ngũ nhân sự *(Năng lực, kinh nghiệm của các thành viên chính, thành viên)*

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm triển khai	Nội dung công việc
1			
2			
...			

8.2. Đội ngũ chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm triển khai	Nội dung công việc
1			
2			
...			

9. Tóm tắt về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, tài chính và phương án tổ chức thực

hiện khả thi

.....

.....

II. THÔNG TIN NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ:
2. Thời gian thực hiện (tháng):
3. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ:đồng, trong đó:
 - a) Nguồn ngân sách nhà nước:đồng
 - b) Nguồn vốn đối ứng:đồng

Chi tiết theo Mục IV kèm theo Thuyết minh này.

III. THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu của nhiệm vụ

- a) Mục tiêu chung:
-
-

- b) Mục tiêu cụ thể: *(Mục tiêu rõ ràng gắn với chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Thành phố)*
-
-

2. Sự phù hợp của nội dung đề xuất hỗ trợ phù hợp với đề án phát triển trung tâm *(hướng đến trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tầm cỡ quốc tế/ hướng đến được công nhận cấp quốc gia/ hướng đến được công nhận cấp tỉnh):*
-
-

3. Tính cấp thiết của nhiệm vụ *(Luận giải sự cần thiết, tính cấp bách phù hợp với định hướng và yêu cầu nêu trong thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, nêu rõ những vấn đề cần giải quyết; luận giải việc đặt ra các mục tiêu và nội dung của nhiệm vụ,...)*
-
-

4. Nội dung hoạt động, dự kiến sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ *(Nêu và mô tả chi tiết các nội dung, hoạt động và các số liệu liên quan làm cơ sở cho dự toán kinh phí, kết quả/sản phẩm đầu ra cụ thể)*

Nội dung, hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Yêu cầu cần đạt của kết quả, sản phẩm
---------------------	------------------	---------------------------------------

Nội dung 1:		
Hoạt động 1.1:		
Hoạt động 1.2, 1.3...:		
Nội dung 2:		
Hoạt động 2.1:		
Hoạt động 2.2, 2.3...:		

5. Phương án quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng chung hoặc chia sẻ cho các chủ thể của hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Thành phố phù hợp với chức năng, mô hình hoạt động của trung tâm và có chỉ tiêu kết quả đầu ra để theo dõi, đánh giá

.....

.....

IV. DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Định mức/ Đơn giá	Thành tiền			Căn cứ lập dự toán
				Tổng	NSNN	Đối ứng	
1	Nội dung công việc 1:						
	<i>Nội dung chi....</i>						
	<i>Nội dung chi....</i>						
	<i>Nội dung chi....</i>						
...	...						
2	Nội dung công việc 2:						
	<i>Nội dung chi....</i>						
	<i>Nội dung chi....</i>						
...	...						
	Tổng cộng:						

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số II.03

**TÊN TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Số, ký hiệu văn bản)

VĂN BẢN CAM KẾT

Kính gửi: (Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ)

I. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Email: Website:
5. Quyết định/Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Đăng ký hoạt động KH&CN số: nơi cấp ngày cấp
6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức:
7. Tên nhiệm vụ:

II. Nội dung cam kết

Tổ chức, doanh nghiệp cam kết:

1. Tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của thông tin, hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan quản lý nhiệm vụ.
2. Chỉ tiếp nhận duy nhất một nguồn kinh phí cho cùng một nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung nhiệm vụ.
3. Thực hiện đúng các cam kết khi nhận tài trợ để thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan quản lý nhiệm vụ về sử dụng kinh phí, tài sản, kết quả, hiệu quả của nhiệm vụ.
4. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin và tài liệu bổ sung theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
5. Phối hợp với cơ quan quản lý nhiệm vụ và cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Văn bản cam kết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

..., ngày ... tháng ... năm...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)